

- Câu 16:** 我和小阮_____是同事, _____彼此之间并不十分了解。
 A. 因为……所以…… B. 虽然……但是……
 C. 不仅……而且…… D. 既……又……
- Câu 17:** 凡在节日期间光临本店购物的顾客, 本店将为您准备一_____精美的礼物。
 A. 项 B. 把 C. 条 D. 份
- Câu 18:** _____春夏秋冬, 那里的气候都很好。
 A. 无论 B. 尽管 C. 任何 D. 即使
- Câu 19:** 这个问题不是一天两天就能解决的, _____我们再商量吧。
 A. 之后 B. 然后 C. 以后 D. 后来
- Câu 20:** 为了祖国, 他愿意献出自己的_____。
 A. 命运 B. 命令 C. 生命 D. 寿命
- Câu 21:** 你都病了好几天了, 怎么还不去医院_____?
 A. 吧 B. 吗 C. 呢 D. 啦
- Câu 22:** 艺术来源_____生活, 又高于生活。
 A. 从 B. 于 C. 在 D. 起
- Câu 23:** 大家可以坐_____发言, 不必站起来。
 A. 着 B. 的 C. 了 D. 过
- Câu 24:** 学生想_____越深入、越透彻, 他对知识的理解和掌握也就越深刻、越牢固。
 A. 得 B. 的 C. 着 D. 地
- Câu 25:** 老师和学生们都应该_____。
 A. 上课准时 B. 上课得准时 C. 准时上课 D. 上准时课
- Câu 26:** 这么多的内容, 一个晚上恐怕_____。
 A. 得看完 B. 看得完 C. 不看完 D. 看不完

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 27:** Phiên âm đúng của từ 钱包 là: qián_____āo.
 A. t B. b C. p D. f
- Câu 28:** Phiên âm đúng của từ 尊敬 là: _____ūnjìng.
 A. zh B. sh C. z D. s
- Câu 29:** Phiên âm đúng của từ 踊跃 là: y_____yuè.
 A. áo B. iǒng C. ǔng D. ǒng
- Câu 30:** Phiên âm đúng của từ 过去 là: g_____qù.
 A. uò B. uō C. ò D. ǒ
- Câu 31:** Phiên âm đúng của từ 最近 là: z_____jìn.
 A. uèi B. iù C. uì D. òu
- Câu 32:** Phiên âm đúng của từ 家乡 là: _____.
 A. jiàxiāng B. jiāxiāng C. jiāxiàng D. jiàxiàng
- Câu 33:** Phiên âm đúng của từ 辉煌 là: _____.
 A. huìhuàng B. huīhuàng C. huīhuáng D. huìhuáng
- Câu 34:** Phiên âm đúng của từ 茂盛 là: mào_____èng.
 A. sh B. ch C. s D. zh

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 35:** 科学的论断必须以客观事实为_____。
 A. 衣居 B. 衣剧 C. 依据 D. 依剧

Câu 36: 这次竞赛的_____, 全凭大家的努力。

- A. 成攻 B. 诚功 C. 成功 D. 城功

Câu 37: 人类朋友们, 让我们积极行动起来, _____我们人类赖以生存的地球!

- A. 保佑 B. 堡沪 C. 保户 D. 保护

Câu 38: 学校不能_____对学生的道德教育。

- A. 匆备 B. 忽略 C. 葱略 D. 忽备

Câu 39: 我们必须_____投资环境, 吸引越来越多的海外投资者前来投资。

- A. 净化 B. 静化 C. 挣化 D. 争化

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 40 đến câu 49.

除了父母, 与我们关系最密切的就是兄弟姐妹了。兄弟姐妹在我们的一生中非常重要, 年长的兄姐可能是我们模仿(40)_____, 对我们的性格、品德、技能的形成, 影响很大。兄弟姐妹之间的排行也有影响。比如(41)_____, 由于没有兄弟姐妹与他分享父母的爱, 通常是父母生活的中心, 因此容易养成自我中心、不愿与别人分享和独立自主的(42)_____, 在与朋友相处时可能会发生困难。如果一个人(43)_____老大, 父母就对他的希望比较大, 会(44)_____注意和干涉他的行动, 花比较多的时间和精力来照顾他, 因此老大在语言、智力、学习成绩上占有优势。在性格上, 老大喜欢(45)_____, 处于领导地位、自尊心强。而排行中间的人一般有较强的(46)_____交往和协调能力, (47)_____与别人相处, 性格比较积极乐观。如果一个人排行最小, 那么他在家庭中往往受到很多保护, 父母很少(48)_____他, 因此排行最小者一般比较(49)_____, 不太会交朋友, 也不会应付困难和挫折。

(《HSK 初中等, 最新模拟试题集》, 北京语言文化大学出版社, 2008年)

Câu 40: A. 人 B. 榜样 C. 弟妹 D. 兄姐

Câu 41: A. 独生子女 B. 双胞胎 C. 女孩 D. 男孩

Câu 42: A. 任性 B. 性格 C. 心情 D. 思想

Câu 43: A. 排名 B. 排除 C. 排队 D. 排行

Câu 44: A. 立刻 B. 时时 C. 有空 D. 偶尔

Câu 45: A. 指挥别人 B. 自言自语 C. 能说会道 D. 自由自在

Câu 46: A. 人间 B. 国际 C. 人际 D. 人们

Câu 47: A. 敢于 B. 可以 C. 善于 D. 能够

Câu 48: A. 相信和支持 B. 夸奖和喜爱 C. 限制和干涉 D. 关心和照顾

Câu 49: A. 勇敢 B. 大胆 C. 胆小 D. 坚强

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 50: 今天排电影票的人很多, 好容易我才买到一张票。

- A. 很烦乱 B. 很容易 C. 很复杂 D. 很困难

Câu 51: 我看你们讲的都有道理, 不必再争论了。

- A. 不论 B. 不能 C. 不想 D. 不用

Câu 52: 这事使我别扭了老半天。

- A. 不顺利 B. 不舒服 C. 不正常 D. 不满意

Câu 53: 将土豆去皮后切成方块儿就行了。

- A. 马上 B. 快要 C. 把 D. 用

Câu 54: 这些东西一个箱子装不下。

- A. 不能容纳 B. 不能带动 C. 不能安装 D. 不能容忍

Câu 55: 尽管我再三地向他道歉，他还是没有原谅我。

- A. 两次 B. 多次 C. 五次 D. 三次

Câu 56: 在商业或私人交际中，无言也许是最好的选择之一。

- A. 交通 B. 交往 C. 交待 D. 交情

Câu 57: 你怎么又去玩了？我不是告诉你无论如何也得把今天的练习做完吗？

- A. 会 B. 要 C. 想 D. 能

Câu 58: 晚上一回到家，我立刻就下厨房开始忙活儿，炒菜、烧饭，忙得团团转。

- A. 转身的样子 B. 很忙的样子 C. 很难转身 D. 转了很多圈

Câu 59: 目前，印度人口在世界上仅次于中国。

- A. 等 B. 多 C. 差 D. 少

Câu 60: 光听别人说，自己不动脑筋是不行的。

- A. 摇头晃脑 B. 自己不去思考 C. 不动自己的头 D. 自己不必烦恼

Câu 61: 看到父亲态度那么坚决，他无可奈何地朝我笑了笑。

- A. 没有结果 B. 没有意见 C. 没有问题 D. 没有办法

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 62: 难怪今天大家不来上班，原来全公司都去头顿旅游了。

- A. 连词 B. 介词 C. 动词 D. 副词

Câu 63: 遵守时间、提高效率成了人们的新观念。

- A. 名词 B. 动词 C. 形容词 D. 代词

Câu 64: 他是第一次登台演讲，出点儿差错，这也难怪。

- A. 动词 B. 形容词 C. 名词 D. 副词

Câu 65: 这所医院是我国南方最有名的。

- A. 代词 B. 助词 C. 量词 D. 副词

Câu 66: 明天我们就这个问题进行讨论吧。

- A. 连词 B. 副词 C. 动词 D. 介词

Câu 67: 这篇文章写得还可以。

- A. 形容词 B. 动词 C. 数词 D. 名词

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 68: 他已经把 A 你 B 问的 C 一个问题 D 告诉别人了。 (那)

Câu 69: 我 A 等 B 了 C 他一 D 钟头了。 (个)

Câu 70: 为了提高学生的科研能力，A 我们 B 请来了 C 有经验的研究员，定期 D 对学生
进行培训。 (从国内一流大学)

Câu 71: 今天他 A 比我 B 来 C 十五分钟 D 。 (早)

Câu 72: 这个问题 A 你还得 B 我好好考虑，考虑好了 C 再给 D 你电话，好不好？ (让)

Câu 73: 他激动 A 说 B : “我非常感谢 C 你们对我的帮助 D 。” (地)

Câu 74: 长 A 空 B 的文章 C 没人 D 要看。 (而)

Câu 75: A 我 B 很喜欢 C 吃南方的水果， D 榴莲和芒果。 (特别是)

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 76 đến câu 80.

哲学家把学生带到一片苹果树林，要求大家从树林的这头走到那头，每人挑选一个自己认为最大最好的苹果。但是摘苹果的时候，不许走回头路，不许选择两次。

在穿过苹果林的过程中，学生们认真细致地挑选自己认为最好的苹果。等大家来到苹果

林的另一边时，哲学家已经在那里等候他们了。他笑着问学生：“你们挑到自己最满意的果子了吗？”大家你看看我，我看看你，都没有回答。

哲学家见状，又问：“怎么啦，难道你们对自己的选择不满意？”

“老师，让我们再选择一次吧。”一个学生请求说，“我刚走进果林时，就发现了一个很大很好的苹果，但我还想找一个更大更好的。当我走到果林尽头时，才发现第一次看到的那个就是最大最好的。”

另一个接着说：“我和他正好相反。我走进果林不久，就摘下一个我认为最大最好的果子，可是，后来我又发现了更好的。”

“老师，让我们再选择一次吧！”其他学生也不约而同地请求。

哲学家笑了笑，语重心长地说：“孩子们，这就是人生——人生就是一次无法重复的选择。”

面对无法回头的人生，我们只能做三件事：慎重的选择争取不留下遗憾；如果遗憾了，就理智地面对它，然后争取改变；如果也不能改变，就勇敢地接受，不要后悔，继续朝前走。

(刘云主编《决胜30天——新汉语水平考试HSK五级仿真试题集》，北京语言大学出版社，2011.1)

Câu 76: 哲学家让大家:

- A. 穿过苹果林
- B. 去摘很多苹果
- C. 去摘最满意的苹果
- D. 帮别人挑选苹果

Câu 77: 下面哪个答案是学生们去摘苹果的条件?

- A. 可以选择两次
- B. 可以走回头路
- C. 不可走回头路，可以选择两次
- D. 不可走回头路，不可选择两次

Câu 78: 对于摘到的苹果，大家的心情是:

- A. 满意
- B. 生气
- C. 高兴
- D. 后悔

Câu 79: 大家想再选择一次是因为:

- A. 想要更多的苹果
- B. 错过了更好的苹果
- C. 没有摘到苹果
- D. 很喜欢摘苹果

Câu 80: 哲学家认为:

- A. 人生不应留下遗憾
- B. 自己喜欢的就是最好的
- C. 要努力追求美好
- D. 人生不能重新选择

----- HẾT -----